

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2024/HS-ST
Ngày 04 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Hữu Thanh
- Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thôn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2024/HSST, ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thanh P, sinh ngày 08/4/1980; tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Số thẻ CCCD: 084080009800, cấp ngày 28/9/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTHX - Bộ C2; Nơi thường trú: Số E T, phường T, quận A, TP.; nơi ở hiện tại: Số B B, phường B, quận B, TP.; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Trương Thị H, sinh năm 1952; có vợ tên Trần Thị Thúy A và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: chưa từng bị xử lý hành chính, chưa từng bị kết án; bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 12/8/2024 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1960 (chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1/ Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959; địa chỉ ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2/ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1979; địa chỉ ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3/ Bà Trần Thị C, sinh năm 1982; địa chỉ ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4/ Bà Trần Thị P1, sinh năm 1984; địa chỉ ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5/ Ông Trần Thành T3, sinh năm 1988; địa chỉ ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

(bà Trần Thị T2, bà Trần Thị C, bà Trần Thị P1 và ông Trần Thành T3 uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị O tham gia tố tụng)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Trần Thị Thúy A, sinh năm 1985; địa chỉ Số B B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13 tháng 6 năm 2024 bị cáo Trần Thanh P điều khiển xe mô tô mang biển số 59T2 - 645.18, chở vợ tên Trần Thị Thúy A, sinh năm 1985 và tên Trần Ngọc C1, sinh năm 2012 ngồi trên xe phía sau, từ thành phố Hồ Chí Minh về nhà bà Trần Thị Thúy A ở xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo điều khiển xe có giấy phép lái xe theo quy định và không có sử dụng rượu, bia. Khi đến huyện T bị cáo điều khiển xe theo Quốc lộ E từ hướng huyện T về hướng thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đến khoảng 08 giờ 15 phút, bị cáo điều khiển xe qua khỏi vòng xoay thuộc ấp C, xã Đ, bị cáo điều khiển xe về hướng thị trấn Đ, vừa điều khiển xe bị cáo vừa nói chuyện với vợ và con ngồi trên xe, bị cáo thiếu chú ý quan sát phía trước dẫn đến va chạm vào người của ông Trần Văn T1, sinh năm 1960, nơi thường trú và nơi ở hiện tại ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh đang đi bộ qua đường từ hướng Đông sang hướng Tây, ông T1 đã đi qua khỏi vạch kẻ đường (Từ hướng ấp X về hướng ấp G, xã Đ). Hậu quả sau khi xảy ra tai nạn, ông Trần Văn T1 bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh T. Đến khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 13/6/2024 thì ông T1 tử vong. Riêng bị cáo, bà Trần Thị Thúy A và Trần Ngọc C1 không bị thương tích.

Sau khi tai nạn xảy ra, hiện trường để lại các dấu vết như sau: (Lấy mép đường bên phải theo hướng đi từ xã Đ đến thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh làm mép đường chuẩn).

Xe mô tô biển kiểm soát 59T2 - 645.18 để lại vết phanh dài liên tục tạo thành đường cong có chiều dài 4,4 mét, từ đầu vết phanh đến mép đường chuẩn 1,65 mét, cuối vết phanh đến mép đường chuẩn 0,6 mét (Vết phanh nằm trên phần đường bên phải); Vết cày nằm trên phần đường bên phải, vết cày không liên tục, chiều dài vết cày 5,25 mét, từ đầu vết cày đến mép đường chuẩn 1,5 mét, cuối vết cày nằm dưới tâm xe mô tô, đầu mép đường chuẩn 0,9 mét; Xe mô tô nằm ngã phía bên trái, ngã trên phần đường bên phải, đầu xe quay về hướng Tây - N, đuôi xe quay về hướng Đ - Bắc. Từ tâm bánh xe trước đến mép đường chuẩn 0,75m, từ tâm bánh xe sau đến mép đường chuẩn 01 mét.

Nạn nhân Trần Văn T1: Nằm ngã trên phần đường bên phải, đầu nạn nhân quay về hướng Bắc - Đ, chân nạn nhân quay về hướng N - T. Từ đỉnh đầu nạn nhân đến mép đường chuẩn 2,4 mét. Từ đỉnh đầu nạn nhân đến tâm xe mô tô 1,7

mét. Từ đầu vết phanh số (1) đến đầu vết cày số (2) là 0,7 mét, Từ đầu vết phanh số (1) đến tâm xe mô tô số (3) là 6,9 mét, Từ đầu vết phanh số (1) đến đỉnh đầu nạn nhân số (4) là 6,3 mét. Từ đầu vết cày số (2) đến đỉnh đầu nạn nhân số (4) là 4,7 mét. Từ trụ điện đôi số 4 đến đầu vết phanh số (1) là 8,1 mét.

Từ những dấu vết để lại tại hiện trường, có đủ chứng cứ xác định vùng va chạm đối với vụ tai nạn giao thông nêu trên là bên phần đường bên phải lấy mép đường bên phải làm chuẩn theo hướng từ xã Đ về hướng thị trấn Đ. Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn có mặt đường rộng 09 mét, có vạch kẻ đường phân chia mặt đường thành 02 chiều xe chạy riêng biệt, đoạn đường nhựa thẳng, phẳng, có gờ giảm tốc.

Qua công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông cùng kết quả điều tra, xác định lỗi như sau:

- Đối với bị cáo Trần Thành P2: Điều khiển xe mô tô thiếu chú ý quan sát phía trước là nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn xảy ra. Hậu quả ông T1 bị thương nặng và tử vong. Hành vi trên của bị cáo Trần Thanh P đã vi phạm vào khoản 23, điều 8, chương I, Luật giao thông đường bộ.

- Đối với ông Trần Văn T1: Đi bộ qua đường không quan sát các xe đang đi tới. Hành vi của ông T1 đã vi phạm vào khoản 3, Điều 32, Chương II của Luật giao thông đường bộ.

- Bản kết luận giám định tử thi số: 287/KLGĐTT-KTHS ngày 03/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Nguyên nhân chính dẫn đến tử vong của ông Trần Văn T1 là do chấn thương sọ não nặng.

- Bản kết luận giám định số: 323/KL-KTHS ngày 15/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu máu đựng trong 01 (một) ống nghiệm thu từ tử thi Trần Văn T1 được niêm phong gửi giám định không tìm thấy thành phần E (còn).

- Bản cáo trạng số 85/CT-VKSHS ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Trần Thanh P về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây được gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh P cho rằng cáo trạng truy tố đúng với hành vi của bị cáo, bị cáo không có ý kiến bổ sung gì về nội dung Bản cáo trạng. Đồng thời, khai nhận khoảng 08 giờ 15 phút, ngày 13 tháng 6 năm 2024, bị cáo điều khiển xe mô tô mang biển số 59T2 – 645.18, chở vợ và con đi theo hướng từ xã Đ đến thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh khi điều khiển xe qua khỏi vòng xoay thuộc ấp C, xã Đ, bị cáo điều khiển xe về hướng thị trấn Đ, trong lúc đang điều khiển xe do bị cáo vừa nói chuyện với vợ và con ngồi trên xe nên thiếu chú ý quan sát phía trước dẫn đến va chạm vào người bị hại ông Trần Văn T1 đang đi bộ ngang đường, hậu quả sau khi xảy ra tai nạn ông Trần Văn T1 bị thương nặng và tử vong.

- Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả

tranh luận tại phiên tòa cũng như các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh P từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng; về trách nhiệm dân sự, quá trình điều tra giữa bị cáo và gia đình bị hại đã tự thỏa thuận xong, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét;

Bà Nguyễn Thị O là người đại diện hợp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P; về trách nhiệm dân sự phía bị cáo đã hỗ trợ cho gia đình tổng cộng số tiền là 130.000.000 đồng nên hiện nay bà không còn yêu cầu gì thêm.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận; tại lời nói sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình là sai, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, lời khai này là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, kết luận giám định pháp y, kết luận định giá tài sản thể hiện: Vào khoảng 08 giờ 15 phút, ngày 13 tháng 6 năm 2024, trên đoạn đường từ xã Đ đến thị trấn Đ, huyện T thuộc tại ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh bị cáo Trần Thanh P điều khiển xe mô tô mang biển số 59T2 – 645.18, có giấy phép lái xe theo quy định, không có sử dụng rượu, bia, đi theo hướng từ xã Đ đến thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Do vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ cụ thể là thiếu chú ý quan sát, dẫn đến va chạm vào người ông Trần Văn T1 đang đi bộ ngang đường. Hậu quả sau khi xảy ra tai nạn ông Trần Văn T1 bị thương nặng và tử vong. Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tính chất của vụ án là nghiêm trọng, bị cáo là người có đầy đủ năng lực và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý; bị cáo điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đã thiếu chú ý quan sát phía trước là nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn xảy ra. Hậu quả ông T1 bị thương nặng và tử vong. Hành vi trên của bị cáo Trần Thanh P đã vi phạm vào khoản 23, điều 8,

chương I, Luật giao thông đường bộ. Đối với ông Trần Văn T1, đi bộ qua đường không quan sát các xe đang đi tới. Hành vi của ông T1 đã vi phạm vào khoản 3, Điều 32, Chương II của Luật giao thông đường bộ. Như vậy, về mức độ lỗi giữa bị cáo Trần Thanh P và bị hại Trần Văn T1 là như nhau. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, đã xâm phạm đến tính mạng của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải dành cho bị cáo một mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, có như vậy mới đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo: Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm cho gia đình bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại tha thiết xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để cho bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt, phấn đấu trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ cũng đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra giữa bị cáo và gia đình bị hại đã tự thỏa thuận xong, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về vật chứng: Ngày 12/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 xe mô tô, biển số 59T2 - 645.18, nhãn hiệu SH Mode, màu đỏ đen, số máy JK01E0526595, số khung RLHJK0114PZ409582. Ngày 20/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu nêu trên bằng hình thức trao trả cho chủ sở hữu nhận lại để quản lý nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng

và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh P phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, Điều 326, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án 04/12/2024.

Giao bị cáo Trần Thanh P cho Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo P thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định về pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: 01 xe mô tô, biển số 59T2 - 645.18, nhãn hiệu SH Mode, màu đỏ đen, số máy JK01E0526595, số khung RLHJK0114PZ409582. Ngày 20/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu nêu trên bằng hình thức trao trả cho chủ sở hữu nhận lại để quản lý nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra giữa bị cáo và gia đình bị hại đã tự thỏa thuận xong, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thanh P phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TA tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Công an huyện Trà Cú;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn